

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**VÀI SUY NGHĨ VỀ QUAN NIỆM CỦA
C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN VỀ TÔN GIÁO**

NGUYỄN QUANG HÙNG^(*)

Đến nay đã có không ít công trình nghiên cứu bàn về quan niệm của các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo⁽¹⁾. Các công trình này góp phần làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, cơ sở lý luận đối với chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Nhưng do sự phức tạp của vấn đề, hoàn cảnh nước ta chiến tranh kéo dài, trình độ lý luận còn hạn chế, v.v... nên các công trình nghiên cứu có hệ thống chưa nhiều. Nhiều vấn đề, như khung cảnh lịch sử, phạm vi thích dụng của học thuyết các nhà kinh điển... ít được bàn đến. Bài viết này góp phần để chúng ta đánh giá quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về tôn giáo khách quan hơn, trung thực hơn.

I. MỘT SỐ QUAN NIỆM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN VỀ TÔN GIÁO

C. Mác và Ph. Ăngghen không có tác phẩm chuyên biệt nào về tôn giáo, nhưng trong mối liên hệ với các vấn đề thế giới quan triết học, những vấn đề đấu tranh giai cấp, tôn giáo được hai ông đề cập ngay ở những tác phẩm thời trẻ. Trong "Về vấn đề Do Thái", xuất bản năm 1843, C. Mác⁽²⁾ đã phê phán mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội ở Châu Âu. "Cái gọi là Nhà nước Cơ Đốc giáo là một nhà nước không hoàn bị, và đạo Cơ Đốc là sự bù đắp và thần thánh hoá sự không hoàn bị đó (...). Còn nhà nước dân chủ, một nhà

nước thật sự, thì không cần đến tôn giáo để bù đắp về mặt chính trị cho mình"⁽³⁾. Trong khi Brunô Bauer không tán thành với sự phân biệt giữa người Đức gốc Do Thái theo đạo Do Thái và người Đức gốc Đức theo đạo Kitô, đòi hỏi giải phóng người Do Thái khỏi đạo Kitô, nhưng tách rời những vấn đề tôn giáo khỏi những vấn đề chính trị, thì C. Mác khẳng định sự gắn kết giữa giải phóng tôn giáo và giải phóng chính trị. Ông đặt vấn đề xoá bỏ chế độ tư hữu cùng chế độ người bóc lột người với tất cả những gì là sản phẩm, tàn dư của chế độ đó, trong đó có tôn giáo, nhằm xây dựng một nhà nước thế tục⁽⁴⁾.

Tiếp theo, trong "Phê phán triết học pháp quyền của Hegel. Lời nói đầu", xuất bản cuối năm 1843, C. Mác khẳng định: "Việc phê phán tôn giáo, với tính cách là

*. TS., Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội).

1. Xem: Nguyễn Đức Lữ, *Bước đầu tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo*, Tạp chí NCTG, số 3/2001; Lê Đại Nghĩa, V.J. Lenin bảo vệ và phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về tôn giáo, Tạp chí NCTG, số 2/2002; Ngô Hữu Thảo, *Từ quan điểm duy vật lịch sử của C. Mác xem xét vấn đề tôn giáo ở nước ta*, Tạp chí NCTG, số 3/2004, v.v...

2. Bản thân C. Mác xuất thân là một người Đức gốc Do Thái.

3. C. Mác, *Về vấn đề Do Thái*, Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, Tập I, Nxb CTQG, HN 1995, tr. 541.

4. C. Mác, Sđd, tr. 533, 540, 558.

xoá bỏ hạnh phúc ảo tưởng của nhân dân, là yêu cầu thực hiện hạnh phúc thực sự của nhân dân⁽⁵⁾. Tư tưởng xoá bỏ tôn giáo của C. Mác ở đây đã thể hiện rõ. "Xoá bỏ tôn giáo, với tính cách là xoá bỏ hạnh phúc ảo tưởng của nhân dân, là yêu cầu thực hiện hạnh phúc thực sự của nhân dân (...). Do đó, *nhệm vụ của lịch sử - sau khi cái chân lí của thế giới bên kia đã mất đi - là xác lập chân lí của thế giới bên này*"⁽⁶⁾. Xuất phát từ lập trường duy vật và vô thần, C. Mác khẳng định: "Con người sáng tạo ra tôn giáo, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người (...). Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là *thuốc phiện* của nhân dân"⁽⁷⁾.

Trong một tác phẩm khác "*Thông tri chống Crighê*", C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, những quan niệm tôn giáo về sự cứu rỗi nhân loại, về sự nhân đạo là không hiện thực⁽⁸⁾. Trong "*Tình cảnh nước Anh*", xuất bản năm 1844, Ph. Ăngghen nói: "Chúng ta muốn xoá bỏ tất cả những gì tự xưng là siêu nhiên và siêu nhân (...). Chính vì vậy mà chúng ta vĩnh viễn tuyên chiến với tôn giáo (...). Chúng ta cho rằng lịch sử không phải là sự mặc khải của "Thượng Đế", mà là sự mặc khải của con người (...). Ngược lại, cái gì càng "mang tính chất Thượng Đế bao nhiêu", tức là càng không có tính chất con người bao nhiêu, thì chúng ta càng không thể khâm phục nó bấy nhiêu"⁽⁹⁾.

Nhìn chung, ngay từ những tác phẩm thời trẻ trước "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*", các nhà kinh điển đã lấy thế giới quan duy vật, vô thần của mình đối lập với thế giới quan duy tâm, tôn giáo. Tôn giáo là sự phản ánh hư ảo những điều kiện của cuộc sống trần thế vào đầu

óc con người. Hai ông chủ trương giải phóng con người khỏi các quan niệm, lễ nghi tôn giáo và coi đó là một nhiệm vụ của cách mạng xã hội mà giai cấp vô sản phải thực hiện.

Vì những can dự chính trị của Toà Thánh trong lịch sử và vì những ràng buộc giữa Giáo hội với giai cấp thống trị ở Châu Âu, trong "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*", xuất bản năm 1848, các nhà kinh điển đã coi Toà Thánh là một thế lực đối lập với phong trào cộng sản. Dưới góc độ chính trị xã hội, Giáo hội Công giáo là một liên minh với giai cấp thống trị, nên đương nhiên trở thành một lực cản giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa không còn giai cấp. "Tuyên ngôn" được mở đầu như sau: "Một bóng ma đang ám ảnh Châu Âu: bóng ma chủ nghĩa cộng sản. Tất cả các thế lực của Châu Âu cũ đang tìm cách trừ khử bóng ma đó: Giáo hoàng và Nga hoàng (...), đều đã liên hợp lại thành một liên minh thần thánh để trừ khử bóng ma đó (...). Vì vậy, đã đến lúc những người cộng sản phải bày tỏ chính kiến, quan điểm của mình trước toàn thế giới"⁽¹⁰⁾.

Những quan niệm trên của C. Mác và Ph. Ăngghen được tiếp tục phát triển trong những tác phẩm sau này. Về

5. C. Mác. *Phê phán triết học pháp quyền của Hegel. Lời nói đầu*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Tập 1, tr. 570.

6. C. Mác. Sđd, tr. 570-571.

7. C. Mác. Sđd, tr. 569 - 570.

8. Crighê là người cộng sản để cao vai trò của tôn giáo không được C. Mác và Ph. Ăngghen tán thành. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Thông tri chống Crighê*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen *toàn tập*. Tập 4, tr. 29.

9. Ph. Ăngghen. *Tình cảnh nước Anh*. Tóm tắt Các lai lơ - quá khứ và hiện tại. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen *toàn tập*. Tập 1, tr. 817-819.

10. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Tập 4, tr. 595.

phương diện thế giới quan và nhân sinh quan, quan niệm về tôn giáo của C. Mác và Ph. Ăngghen gắn liền với việc xây dựng thế giới quan triết học duy vật biện chứng của hai ông. Hai ông chủ trương xây dựng thế giới quan triết học duy vật, đối lập với thế giới quan duy tâm, tôn giáo. Về phương diện chính trị xã hội, tôn giáo là một tàn dư của xã hội cũ, xã hội có giai cấp. Tôn giáo bị các giai cấp thống trị lợi dụng để bảo vệ quyền lợi của mình. Tôn giáo là một lực cản trong sự phát triển xã hội, một lực cản giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh lật đổ giai cấp tư sản, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Nhìn chung, quan niệm của Mác và Ăngghen về tôn giáo được trình bày tương đối có hệ thống và nhất quán⁽¹¹⁾, ở bốn điểm sau:

Thứ nhất, không có Chúa Trời như một Đấng Sáng thế. Vật chất là thực thể duy nhất của mọi vật. Cũng không thể có một linh hồn bất tử tồn tại cả sau khi con người chết. Trong "*Chống Duy linh*", Ph. Ăngghen định nghĩa: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang những lực lượng siêu trần thế"⁽¹²⁾. Theo cách nhìn của các nhà kinh điển, chức năng quan trọng nhất của tôn giáo là chức năng đền bù hư ảo. Luận điểm của C. Mác coi tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân, về sau được V.I. Lênin tiếp thu triệt để coi đó là hòn đá tảng của quan niệm mácxít về tôn giáo⁽¹³⁾.

Thứ hai, tôn giáo là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử. Nó không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ trong những giai đoạn nhất định trong lịch sử nhân loại khi mà con người còn bị chế ước bởi những điều

kiện tự nhiên và xã hội như thiên tai, chiến tranh, đói nghèo, bất công xã hội, v.v... Người ta cần đến tôn giáo như một sự giải thoát khỏi những ràng buộc trong cuộc sống hằng ngày.

Thứ ba, tôn giáo thuộc về kiến trúc thượng tầng, do vậy cũng như khoa học, nghệ thuật, v.v... bị quy định bởi các điều kiện kinh tế và cơ sở hạ tầng của xã hội. "Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo, tức thế giới quan lộn ngược, vì bản thân chúng là thế giới lộn ngược. Tôn giáo là lí luận chung của thế giới ấy, là cương yếu bách khoa của nó, là lôgic dưới hình thức phổ cập của nó, (...) là căn cứ phổ biến mà nó dựa vào để an ủi và biện hộ"⁽¹⁴⁾. Quan niệm khẳng định sự chế ước của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng, một trong những nội dung chính của quan niệm duy vật về lịch sử, được thể hiện rõ trong "*Tư bản*". "Nói chung, sự phản ánh có tính chất tôn giáo của thế giới thực tại chỉ có thể mất đi khi nào mà những quan hệ trong đời sống thực tiễn hằng ngày của con người được biểu hiện bằng những mối liên hệ rõ ràng và hợp lí

11. Bản dịch các tác phẩm kinh điển nói chung diễn tả đúng nội dung tư tưởng, nhưng về sắc thái có những chỗ thiếu chính xác, đây vấn đề tới cực đoan hơn. Ví dụ, Bản dịch "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" dùng cụm từ: "bọn thầy tu" thay bằng "các thầy tu" (Priester). C. Mác và Ph. Ăngghen. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd, Tập 4, tr. 634. Hoặc: "Giêsu là kẻ trung gian" thay bằng "người, khâu trung gian" (Vermittler), v.v... Dịch cụm từ của Lênin (imperialism est umiraiusi capitalism) "Chủ nghĩa đế quốc là tư bản đang tiêu vong" thành "Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản già yếu", v.v...

12. Ph. Ăngghen. *Chống Duy linh*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 20, tr. 437.

13. V. I. Lênin. *Về thái độ của Đảng Công nhân đối với tôn giáo*. Trong: V.I. Lênin. *Toàn tập*. Nxb Tiến Bộ, Mátxcova 1979. Tập 17, tr. 524.

14. C. Mác. *Phê phán triết học pháp quyền của Hegel. Lời nói đầu*. Sđd, tr. 570

giữa người ta với nhau và với thiên nhiên"⁽¹⁵⁾.

Thứ tư, tôn giáo mang tính giai cấp, nghĩa là nó không thể đứng ngoài chính trị, mà đứng về phía giai cấp này hay giai cấp kia trong xã hội có giai cấp. Theo Mác và Ăngghen, các giai cấp thống trị thường sử dụng và thao túng tôn giáo để mê hoặc quần chúng đấu tranh chống lại những áp bức và bất công xã hội nhằm bảo vệ sự thống trị của chúng. Chẳng hạn, Giáo hội Công giáo đã khoác cho chế độ phong kiến ở Pháp trước cách mạng một vòng hào quang thần thánh. Giai cấp tư sản cũng sử dụng tôn giáo để bảo vệ lợi ích thống trị của mình. Do vậy, vấn đề tôn giáo gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản vì một chế độ xã hội mới.

Căn cứ vào quan niệm trên, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, những người cộng sản cần có một chính sách hai mặt đối với tôn giáo. Một mặt, về nguyên tắc, những người cộng sản không khoan nhượng đối với tôn giáo bởi mục đích cuối cùng của họ là xây dựng chế độ cộng sản, một xã hội vô thần, mang lại hạnh phúc ngay trên trần thế cho mọi công dân. Trong "*Bản thảo kinh tế-triết học năm 1844*", Mác viết về mối quan hệ giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa vô thần như sau: "Chủ nghĩa Cộng sản bắt đầu ngay lập tức từ chủ nghĩa vô thần (Ôoen), còn chủ nghĩa vô thần trong những thời kì đầu thì hoàn toàn chưa phải là *Chủ nghĩa Cộng sản*"⁽¹⁶⁾. Nói chung, về đường lối chiến lược, chủ trương đối với tôn giáo, trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen không có khác biệt nhiều giữa thời trẻ và thời kì chín muồi. Theo họ, xã hội cộng sản không còn nhà nước và giai cấp, không còn tôn giáo. Đây được coi là thiên đường trần thế, trong đó con người có thể "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu!"⁽¹⁷⁾.

Cũng theo tinh thần trên, trong "*Phê phán cương lĩnh Gôta*", viết năm 1872, C. Mác mỉa mai tự do tín ngưỡng dưới chế độ tư bản. "Quyền tự do tín ngưỡng tư sản chẳng phải là cái gì khác hơn là sự dung thứ đủ *các loại tự do tín ngưỡng tôn giáo*, còn Đảng [Cộng sản] thì ngược lại, ra sức giải thoát lương tri của con người khỏi bóng ma tôn giáo"⁽¹⁸⁾. Ph. Ăngghen chủ trương thay thế nền đạo đức Kitô giáo bằng đạo đức cộng sản chủ nghĩa⁽¹⁹⁾. Trong khi phê phán một nhóm những nhà cánh tả Pháp cổ vũ cho cái công thức "*Le Christianisme est le Communisme*", Ph. Ăngghen khẳng định rằng giữa chủ nghĩa cộng sản và Kitô giáo, ngoài một số tương đồng trong các quan niệm về nhân đạo, về cơ bản là đối lập nhau. "Nếu như có một vài đoạn Kinh Thánh có thể được giải thích có lợi cho chủ nghĩa cộng sản, thì toàn bộ tinh thần của đạo lí Kinh Thánh vẫn hoàn toàn đối diện với chủ nghĩa cộng sản"⁽²⁰⁾.

Tuy nhiên, mặt khác, giai cấp vô sản trên thực tế cần có sự mềm mỏng trong quan hệ với các tôn giáo và các tín đồ. Đây là điểm khác biệt giữa C. Mác và Ph. Ăngghen thời trẻ và giai đoạn chín muồi trong sách lược đối với tôn giáo. Những người cộng sản cần có một sách lược mềm dẻo, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của cuộc đấu tranh giai cấp của mình. Các

15. C. Mác. *Tư bản*. Quyển I. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Toàn tập. Sđd. Tập 23, tr. 126.

16. C. Mác. *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*. Bản dịch của Nxb Sự Thật, Hà Nội 1977, tr. 129-130.

17. C. Mác. *Phê phán cương lĩnh Gôta*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 19, tr. 36.

18. C. Mác. *Phê phán Cương lĩnh Gôta*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 19, tr. 51.

19. Ph. Ăngghen. *Chống Duy linh*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 20, tr. 135-136.

20. Ph. Ăngghen. *Những thắng lợi của phong trào cải cách xã hội trên lục địa*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 1, tr. 731.

biện pháp bạo lực của Bismarck đối với các tôn giáo đã dẫn đến những hệ quả tai hại cho chính bản thân chính quyền Bismarck, khiến Bismarck từ chỗ cứng rắn đến chỗ buộc phải khoan nhượng đối với giới tăng lữ. Đó là một minh chứng điển hình không thể dùng bạo lực để xoá bỏ tôn giáo.

C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đã khẳng định dưới CNXH, bước quá độ lên xã hội cộng sản chủ nghĩa, tôn giáo, một tàn dư của xã hội cũ, vẫn còn tồn tại. Trong khi phê phán Duyrinh chủ trương dùng bạo lực để xoá bỏ tôn giáo, Ph. Ăngghen khẳng định: "Khi nào con người không chỉ mưu sự, mà còn làm cho thành sự nữa, thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo mới sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa (...) cho đến khi tôn giáo chết cái chết tự nhiên của nó"⁽²¹⁾.

Nhìn chung, C. Mác và Ph. Ăngghen nhìn nhận tôn giáo dưới góc độ của một nhà duy vật và vô thần triệt để. Trong một số phân tích về sự phát triển của tôn giáo từ đa thần tới độc thần, cũng như hoàn cảnh ra đời của Kitô giáo, Ph. Ăngghen có đánh giá vai trò tích cực nhất định của Kitô giáo trong các giai đoạn lịch sử trước đây, coi đó là sự đáp ứng nhu cầu của chúng sinh bị áp bức trong xã hội La Mã cổ đại. Ph. Ăngghen phân biệt Kitô giáo nguyên thủy cùng những quan niệm đạo đức hướng thiện trong Phúc Âm với những can dự chính trị trần thế của Giáo hội Kitô giáo trong lịch sử Âu Châu thời Trung cổ và Cận đại⁽²²⁾. Nhưng nói chung, các nhà kinh điển không nhìn nhận những vai trò tích cực của tôn giáo trong sự phát triển xã hội. Hầu như hai ông không khẳng định bản

thân tôn giáo như một nhu cầu tâm linh của một bộ phận nhân loại. Những khía cạnh tích cực của tôn giáo, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hoá, xây dựng các quy chuẩn đạo đức xã hội hướng thiện, bảo vệ và duy trì những giá trị truyền thống, hoạt động từ thiện xã hội, v.v... chưa được đánh giá thực sự đúng mức.

II. CON ĐƯỜNG DẪN C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN TỚI NHỮNG QUAN NIỆM VỀ TÔN GIÁO

Phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới quan niệm về tôn giáo của C. Mác và Ph. Ăngghen cần lưu ý:

Thứ nhất, đó là hoàn cảnh chính trị-xã hội ở nước Đức và Châu Âu sau Cách mạng tư sản Pháp 1789-1794. Đương thời, Ph. Ăngghen ví triết học cổ điển Đức từ Kant tới Hegel và Phoibach là lí luận của người Đức về Cách mạng tư sản Pháp. Thực tế, không chỉ triết học cổ điển Đức, mà cả chủ nghĩa Mác nói chung đều chịu ảnh hưởng to lớn của cuộc cách mạng này. Liên quan tới quan niệm về tôn giáo, cần nhấn mạnh một thực tế là ở nước Pháp và cả Đức (như trường hợp của Bismarck và Duyrinh) sau Cách mạng tư sản Pháp xuất hiện khuynh hướng tách biệt nhà nước khỏi giáo hội, thậm chí có khuynh hướng bài tôn giáo. Nhiều nước không còn coi Kitô giáo là quốc giáo. Giáo hội tuy có ảnh hưởng lớn trong nhiều lĩnh vực xã hội, văn hoá, tâm thức công chúng, nhưng phạm vi quyền năng bị thu hẹp lại trong một số lĩnh vực chính trị-xã hội.

21. Ph. Ăngghen. *Chống Duyrinh*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 20, tr. 439.

22. Xem: Ph. Ăngghen. *Bruno Bauer và đạo Cơ Đốc khởi thủy*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 19, tr. 436-448; Ph. Ăngghen. *Bản về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 22, tr. 661-700 và Ph. Ăngghen. *Lútích Phoibach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd. Tập 21, tr. 445-446.

Một điểm nữa là nước Đức, quê hương của hai ông là một trong những cái nôi diễn ra các cuộc cải cách tôn giáo do Martin Luther (1483-1546) khởi xướng, đoạn tuyệt với Đức Giáo hoàng và Tòa Thánh Roma, thành lập đạo Tin Lành. Cả C. Mác và Ph. Ăngghen sinh ra, sống và hoạt động ở nửa miền Bắc của nước Đức, nơi mà phong trào Luther từng diễn ra rầm rộ nhất⁽²³⁾. Nước Đức từ nửa cuối thế kỉ XIX đã được Otto Bismarck (1815-1898) thống nhất. Như trên đã nói, Bismarck là nhân vật không thiện cảm với tôn giáo, có thời kì chủ trương dùng bạo lực để trấn áp giới tăng lữ và giáo hội.

Trong cuộc đời của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen đi nhiều nơi. Ngoài Đức, hai ông chủ yếu ở Pháp và nhất là ở Anh. Ở Pháp thì khuynh hướng bài Giáo hội sau Cách mạng 1789-1794 vẫn còn nặng nề. Còn ở Anh là nơi mà số đông dân chúng theo Anh giáo, mặc cảm với Công giáo. Lưu ý là các cuộc thập tự chinh, toà án dị giáo, liệt kê các sách khoa học vào dạng "sách cấm" của Giáo hội từ thời Trung cổ, giết hại hoặc cầm tù nhiều nhà khoa học đấu tranh đòi tự do tư tưởng như Brunô, Galilê, những can dự vào những hoạt động buôn bán nô lệ da đen của các nước tư bản phát triển thời Cận đại, v.v... có tác động đến quan niệm của Mác và Ăngghen về tôn giáo⁽²⁴⁾.

Bản thân hai ông từng chứng kiến phong trào phản đối Giáo hội của một bộ phận dân chúng Châu Âu khi đó. Chẳng hạn, trong bài "*Phong trào chống giáo hội - Biểu tình ở công viên Haidơ*", C. Mác dẫn ra những con số nói lên tình trạng có một bộ phận người Anh không đi lễ ở nhà thờ, phê phán các biện pháp của Giáo hội khắc phục tình trạng nhạt đạo, ví cuộc biểu tình của một bộ phận dân chúng ở Công viên Haidơ (Luân Đôn) ngày 25/7/1855 như khởi đầu của một cuộc cách

mạng⁽²⁵⁾. Ngoài ra, cả C. Mác và Ph. Ăngghen gắn gũi với phong trào công nhân và nhân dân lao động nhiều nước Châu Âu, chia sẻ với những điều kiện cuộc sống và lao động khó khăn của họ ở các hầm mỏ, nhà máy, trong khi Giáo hội Kitô giáo khi đó không phải bao giờ cũng công bình trước quyền lợi của nhân dân lao động. Hoàn cảnh xã hội trên ảnh hưởng lớn tới C. Mác và Ph. Ăngghen, khiến hai ông quá nhấn mạnh khía cạnh giai cấp, gắn vấn đề tôn giáo với những vấn đề cách mạng vô sản.

Thứ hai, đó là sự phân hoá về mặt tư tưởng ở Châu Âu và những yếu tố làm cho cá nhân C. Mác và Ph. Ăngghen thay đổi lập trường, ngã sang chủ nghĩa duy vật và vô thần triệt để. Về phương diện tư tưởng, chủ nghĩa Mác xuất hiện giữa thế kỉ XIX ở thời điểm có sự phân hoá sâu sắc trong tư tưởng ở Châu Âu, giữa các trào lưu duy vật và duy tâm, vô thần và hữu thần, khoa học và tôn giáo. Năm 1837, Mác theo học ngành luật ở Đại học Berlin, nơi mà Hegel (1770-1831), người đặc biệt đề cao tôn giáo, từng giảng dạy triết học và học thuyết của ông được tôn vinh.

Từ môi trường này, cả Phoibach, C. Mác và Ph. Ăngghen có thời từng tham gia phái Hegel trẻ. Nên nhớ rằng, trong số những người chịu ảnh hưởng của Hegel, phái Hegel già hoàn toàn trung thành với các quan niệm của Hegel, tán

23. Ở Đức hiện nay, số lượng tín đồ đạo Công giáo và đạo Tin Lành gần như tương đương nhau. Chừng 30 triệu người theo đạo Tin Lành và 28 triệu tín đồ theo đạo Công giáo trên tổng số 80 triệu dân. Các bang miền Bắc chủ yếu theo đạo Tin Lành, trong khi các bang miền Nam, nhất là Bayern và Baden Wuettemberg chủ yếu theo đạo Công giáo.

24. Giáo hoàng John Paul II đã chính thức xin lỗi về những sự kiện này.

25. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C. Mác và Ph. Ăngghen bàn về tôn giáo*. Nxb KHXH, Hà Nội 1999, tr. 341-344.

dương sự thống trị của tinh thần tuyệt đối trong thế giới hiện thực. Phái Hegel trẻ ít cực đoan hơn, thừa nhận sự thống trị của tôn giáo, của tinh thần tuyệt đối, nhưng lại coi sự thống trị của chúng là bất hợp pháp⁽²⁶⁾.

Thêm vào đó, có hai sự kiện khiến C. Mác và Ph. Ăngghen ngã hẳn sang lập trường duy vật. Đầu năm 1839, C. Mác nghiên cứu triết học Hy Lạp và hoàn thành luận án tiến sĩ "Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đê-môcrít và triết học tự nhiên của Epiquya" năm 1841. C. Mác đánh giá cao học thuyết của hai nhà triết học trên, thậm chí năm 1839 còn có dự định viết riêng một tác phẩm về triết học Epiquya, triết học phái Khắc kỷ và phái Hoài nghi luận, nhưng rồi C. Mác đã không hoàn thành được dự định này. Lưu ý là ngay trong triết học cổ Hy Lạp đã có sự phân định giữa khuynh hướng duy vật của Đê-môcrít và khuynh hướng duy tâm của Platôn trong việc lí giải khởi nguyên của thế giới và bản chất của mọi vật. Cả Đê-môcrít và Epiquya đều là những nhà nguyên tử luận, duy trì thế giới quan duy vật và vô thần.

Cũng năm 1841, L. Phoibách (1804-1872), một nhà duy vật nổi tiếng, cho xuất bản cuốn "*Bản chất của đạo Cơ Đốc*", tác phẩm triết học lớn nhất của ông. Cả C. Mác và Ph. Ăngghen đều say sưa tác phẩm này ngay khi nó vừa được xuất bản. Hai ông chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những quan niệm duy vật của Phoibách "không phải Chúa Trời sáng tạo ra con người, mà chính con người sáng tạo ra Chúa Trời". Những luận điểm của Ph. Phoibách như "Tôn giáo chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của con người", "triết học duy tâm của Hegel là nơi trú ngụ cuối cùng của thần học", v.v... làm C. Mác và Ph. Ăngghen cảm kích. C. Mác đã bày tỏ sự ủng hộ Phoibách, thể hiện một

tình cảm ái phục nhà duy vật này trong cuộc tranh luận giữa Phoibách với nhà thần học, nhà triết học duy tâm David Friedrich Strauss (1808-1874) năm 1842⁽²⁷⁾. Sau đó, C. Mác đoạn tuyệt với nhóm Berlin trong phái Hegel trẻ.

Cho đến 1845, hai ông phê phán chủ nghĩa duy tâm của Hegel trên quan điểm chủ nghĩa duy vật của Phoibách. Về sau, hai ông nhận thấy những hạn chế của Phoibách, xây dựng thế giới quan triết học duy vật biện chứng, kế thừa phép biện chứng của Hegel và chủ nghĩa duy vật của Phoibách. "*Luận cương về Phoibách*", tiếp theo là "*Hệ tư tưởng Đức*" (1846) đánh dấu sự khởi đầu này.

Trong quá trình xây dựng thế giới quan triết học của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen còn tiếp thu tư tưởng của các nhà duy vật trước đây như Ph. Bêcon, B. Spinoza, Th. Hốp-xơ, các nhà Khai sáng Pháp thế kỉ XVIII trong đó phải kể tới D. Đidrô (1713-1784), P. H. Holbach (1723-1789). Những nhà duy vật này tuy có đóng góp không nhỏ trong sự phát triển tư tưởng triết học phương Tây, nhưng có khuynh hướng vô thần và bài Kitô giáo và tôn giáo nói chung. "Những vĩ nhân ở Pháp [các nhà triết học Khai sáng Pháp thế kỉ XVIII-TG] (...) rất cách mạng. Họ không thừa nhận một thứ uy quyền nào cả. Tôn giáo, quan niệm về tự nhiên, xã

26. Năm 1835, chỉ 4 năm sau khi Hegel mất, Strauss xuất bản cuốn "*Cuộc đời Giêsu*" vượt ra ngoài giới hạn của học thuyết Hegel chính thống, gây tranh luận nhiều giữa các phái Hegel. Đến năm 1842, phái Hegel trẻ bị phân hoá nặng nề, xuất hiện cả những nhà vô thần mà C. Mác và Ph. Ăngghen là những ví dụ cụ thể.

27. Xem: C. Mác. *Luther với tư cách là thẩm phán trọng tài giữa Strauss và Phoibách*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Sđd*, tr. 46-48. Chúng ta còn thấy rõ sự hứng khởi của C. Mác và Ph. Ăngghen trước những phê phán của Phoibách chống lại chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo trong "*Hệ tư tưởng Đức*" xuất bản năm 1847.

hội, tổ chức nhà nước, tất cả đều được đem ra phê phán hết sức nghiêm khắc⁽²⁸⁾. Quan niệm của các nhà duy vật trên có tác động lớn tới thế giới quan của Mác và Ăngghen trong phân tích các vấn đề triết học và trong quan niệm về tôn giáo. Trong "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", Ph. Ăngghen đã thừa nhận: "Xét hình thức lí luận của nó thì chủ nghĩa xã hội hiện đại lúc đầu xuất hiện như một sự phát triển tiếp tục và dường như triệt để hơn những nguyên lí mà các nhà triết học Khai sáng Pháp hồi thế kỉ XVIII đã nêu lên"⁽²⁹⁾. Nếu không có chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa vô thần trong triết học phương Tây trước Mác, thì không thể có chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa vô thần của Mác.

Từ sự phân tích trên, xin có mấy nhận xét sau:

1. Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa nhân đạo, chủ trương giải phóng nhân loại khỏi mọi bất công xã hội. Cũng như Hegel trong "Triết học pháp quyền", có nói đại ý rằng người ta không thể nhảy qua khỏi thời đại mình như nhảy qua khỏi cửa sổ⁽³⁰⁾, ta thấy quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về tôn giáo chưa phải được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu toàn diện của hai ông đối với tôn giáo nói chung, đặc biệt là tôn giáo phương Đông. Hai ông chủ yếu dựa trên sự đánh giá đối với Kitô giáo. Nhưng Kitô giáo hiện nay cũng khác với Kitô giáo thời C. Mác và Ph. Ăngghen. Công giáo từ sau Công đồng Vatican II cũng khác với Công giáo thời thế kỉ XIX.

2. Việt Nam với văn hoá và xã hội Á Đông, ngoài những điểm tương đồng, còn

có những đặc thù riêng, khác với xã hội Châu Âu tương đối thuần khiết trong quỹ đạo văn hoá Kitô giáo. Tâm thức văn hoá tôn giáo người Việt khác với người Châu Âu trong khi C. Mác và Ph. Ăngghen lại không có điều kiện nghiên cứu nhiều về tôn giáo và xã hội Á Đông⁽³¹⁾. Vì vậy, không nên vận dụng quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về tôn giáo vào hoàn cảnh Việt Nam máy móc và giáo điều. Ngay từ năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từng nói: "Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo, theo cách nghĩ của Châu Âu"⁽³²⁾. "Chủ nghĩa Mác được xây dựng trên cơ sở lịch sử Châu Âu mà Châu Âu thì chưa phải là toàn nhân loại" – lập luận này của Nguyễn Ái Quốc hiện là kim chỉ nam cho chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh"¹.

28. Ph. Ăngghen. *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học*. Trong: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd, Tập 19, tr. 275.

29. Ph. Ăngghen. *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội...* Sđd, tr. 275. Về tác động của các nhà duy vật và vô thần đối với học thuyết của Mác, xem: C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd, Tập 19, tr. 275-280, 294-299.

30. G.W.F. Hegel. *Grundlinien der Philosophie des Rechts*. Trong: G.W.F. Hegel. *Hauptwerke in sechs Bänden*. Band 5. Felix Meiner Verlag, Hamburg, 1995, tr. 16.

31. Nên lưu ý là, cho tới thế kỉ XIX, ở Đức những nghiên cứu về các tôn giáo và xã hội Á Đông còn hạn chế. Chỉ mãi đến đầu thế kỉ XX mới có những công trình nghiên cứu của Max Weber có hệ thống về Ấn giáo, Phật giáo và Nho giáo.

32. Nguyễn Ái Quốc, bài trả lời phỏng vấn trên Báo Ogoniok (Ngọn lửa), số 39, ngày 23/12/1923. Trong: Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Tập I, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1980, tr. 479.